TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2023/DS-PT
Ngày: 28 - 9 - 2023
V/v tranh chấp yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Minh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng;

Ông Hoàng Ngọc Linh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang****:* Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLPT- DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp "Yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2021/QĐ-PT ngày 05/10/2021, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 72/2021/QĐ-PT ngày 19/11/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 1342/TB-TA ngày 06/12/2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 96/2023/TB-TA ngày 22/8/2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Võ Văn D sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 09, ấp T K, thị trấn L B, huyện A P, tỉnh A G.

- *Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc Khả, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp Phước Mỹ, xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2019 của Văn phòng công chứng Lê Hùng Liệt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ú sinh năm 1939 (chết 2021); nơi cư trú: Tổ 07, ấp T K, thị trấn L B, huyện A P, tỉnh A G.

3. Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn:

3.1 Ông Võ Văn O, sinh năm 1978;

3.2 Bà Võ Thị T, sinh năm 1974;

3.3 Bà Võ Thị L sinh năm 1975;

Cùng nơi cư trú: Ấp S T, xã K B, huyện A P, tỉnh A G.

3.4 Bà Võ Thị Trúc Đ, 1983; nơi cư trú: Ấp T K, thị trấn L B, huyện A P, tỉnh A G.

3.5. Ông Võ Văn G (chết 2018) Kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông G gồm: Ông Võ Thành S sinh năm 1982; ông Võ Đức T, sinh năm 1984; bà Võ Thị Kim O, sinh năm 1986; bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1994. Cùng nơi cư trú: K X B, t t T B, h T B, t A G.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1 Ông Võ Văn O, sinh năm 1978;

4.2 Bà Võ Thị T, sinh năm 1974;

4.3 Bà Võ Thị L sinh năm 1975;

Cùng nơi cư trú: Ấp S T, xã K B, huyện A P, tỉnh A G.

4.4 Bà Võ Thị Trúc Đ, 1983; nơi cư trú: Ấp T K, thị trấn L B, huyện A P, tỉnh A G.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn O: Đại diện các bà T, bà L, bà Đ.

Luật sư: Nguyễn Minh Lệ - Văn phòng Luật sư Minh Phúc – Đoàn Luật sư An Giang, bảo vệ và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Văn O, bà Võ Thị T, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Trúc Đ.

4.5. Ông Võ Văn G (chết 2018).

4.5.1. Kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn G gồm: Ông Võ Thành S sinh năm 1982; Ông Võ Đức T, sinh năm 1984; Bà Võ Thị Kim O, sinh năm 1986; Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1994. Cùng nơi cư trú: Khóm X B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh A G.

Đại diện theo ủy quyền cho các ông bà S, T, O, T là bà Võ Thị Trúc Đ (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án) theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2020 của Văn phòng công chứng Lê Trung Hậu.

4.6. Bà Nguyễn Thị M sinh năm 1980 (xin vắng mặt); Cháu Võ Gia M, sinh năm 2002; Cháu Võ Hoàn M, sinh năm 2004, Cháu Võ Ngọc M, sinh năm 2011 (Gia M, Hoàn M, Ngọc M con ông O). Cùng nơi cư trú: Ấp T K, thị trấn L B, huyện A P, tỉnh A G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

- Nguyên đơn ông Võ Văn D trình bày: Ông Võ Văn D, sinh năm: 1929 chết ngày 14/04/2005 có vợ là Trần Thị Ú, sinh năm: 1939 có 06 con chung gồm các ông, bà Võ Văn G (chết 02/12/2018); Võ Văn D, Võ Thị T, Võ Thị L, Võ Văn O, Võ Thị Trúc Đ. Ông Võ Văn G (chết) các thừa kế của ông G gồm: Ông Võ Thành S; Ông Võ Đức T; Bà Võ Thị Kim O; Bà Võ Thị Thanh T. Ngày 29/11/2003 ông Võ Văn D có lập tờ tự thuận có xác nhận của UBND xã Khánh Bình tặng cho ông D một nền đất chiều ngang 4,5m, dài 45m nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01369/nL, diện tích 1686,8m^2 cấp ngày 12/8/2002 tọa lạc tại ấp T K, thị trấn L B, huyện A P, tỉnh A G mang tên ông Võ Văn D. Ông D có nhu cầu sử dụng nhiều lần tiến hành xây dựng hành lang nhưng bị bà Ú và ông O ngăn cản không cho sử dụng nền đất này. Nay, ông yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho giữa ông D và ông và chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ú, do ông Lê Đình C đại diện trình bày:

Bà Ú không đồng ý về việc tặng cho giữa ông D và ông D, bà Ú cho rằng nếu tặng cho giữa ông D và ông D thì việc cho phải có ý kiến bằng văn bản của vợ chồng, đồng thời bà cho rằng hình thức của Tờ tự thuận giữa ông D và ông D lập ngày 29/11/2003 không phù hợp về mặt hình thức. Nguyện vọng của ông D và bà Ú là để lại cho các con làm phủ thờ cúng ông bà.

Ngày 17/6/2005 ông D và bà Ú có làm tờ di chúc để lại tài sản của ông bà cho ông O và bà Đ cụ thể bà Đ được sở hữu 01 căn nhà gắn liền với nền đất tọa lạc tại thị trấn L B có diện tích ngang 4m, dài 29m; ông O được thừa hưởng tất cả các di sản còn lại của ông D và bà Ú.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn O trình bày: Nguồn gốc đất là của cha mẹ ông bà Ú và ông D tạo lập được mục đích làm phủ thờ cúng ông bà. Ông D và bà Ú có làm Tờ di chúc ngày 17/6/2005 (11/5al/2005) nên ông yêu cầu thực hiện theo nội dung di chúc, không đồng ý theo yêu cầu của ông D.

Các bà T, L, Đ thống nhất theo lời trình bày của ông O, thực hiện theo di chúc của ông D và bà Ú để đất làm phủ thờ và không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Các đương sự thống nhất tài sản chung của cha mẹ là ông D và bà Ú, ông D bỏ tiền ra mua lại của ông K và ông V nên các anh em không có bỏ tiền cùng mua, do đó tài sản này là tài sản chung của ông D và bà Ú

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 95 và khoản 2, Điều 101, Điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 120, 121, 462 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 26, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326 của UBTV Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/11/2003, của ông Võ Văn D và ông Võ Văn D, ông D được quyền sử dụng đất tại các điểm tại các điểm 13,28,22,21,14 diện tích 179,2 m^2 theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 26/9/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú, ông D được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của ông Võ Văn D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 18/01/2021, bị đơn bà Trần Thị Ú và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn O, bà Võ Thị Trúc Đ, bà Nguyễn Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết, xem xét lại hồ sơ vụ tranh chấp, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bà T, bà L, ông O, bà Đ, bà M vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông O, bà T, bà L, bà Đ cho rằng Tờ cho đất ngày 29/11/2003 không phù hợp pháp luật, do cán bộ địa chính đem đến Ủy ban xã ký xác nhận, trong khi ông D thì cho rằng ký tại Ủy ban xã; thứ hai là đất cấp cho hộ gia đình ông D muốn tặng cho ai phải được sự đồng ý của các thành viên trong hộ mới phù hợp, nên việc ông D tặng cho đất con không được sự đồng ý của các thành viên trong gia đình là không hợp pháp; ông O cũng có công san lấp đất nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét và đất tặng cho cũng chưa được cắm mốc ranh, ông D cũng chưa sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét Tờ tặng cho đất giữa ông D với ông D; bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; hoặc hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm không xem xét đến các cây xoài trên đất.

Ông O trình bày bổ sung: Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày, nguồn gốc đất là của cha, mẹ ông bà là ông D và bà Ú tạo lập được, mục đích là để làm phủ thờ cúng ông bà, nên không đồng ý theo yêu cầu của ông D; bà Đ, bà L không có ý kiến bổ sung.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Các con ông D, bà Ú đều thừa nhận tài sản tranh chấp trên là do ông D, bà Ú tạo lập, nên việc ông D tự nguyện lập Tờ tự thuận cho đất con ngày 29/11/2003 là phù hợp, vì trong diện tích 1686,8m^2, ông D tặng cho ông D diện tích đất 179,2m^2 là không vượt quá ½ tài sản chung của vợ chồng; hơn nữa Tờ cho đất con cũng được UBND xã xác nhận; nó còn được Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định đúng là chữ ký của ông D trong Tờ cho

đất con, đều này nó phù hợp với ý chí của ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận Tờ cho đất con là có cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của các ông, bà Trần Thị Ú, ông Võ Văn O, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Trúc Đ, bà Nguyễn Thị M trong hạn luật định là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang; Bởi lẽ khi cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng tặng cho đất giữa ông D và ông D, giao đất cho ông D mà không xem xét đến 16 cây xoài trên đất tranh chấp là thiếu xót, nên cần tuyên chặt các cây xoài và buộc ông D có nghĩa vụ trả tiền cho các thừa kế bà Ú, ông D. Do đó phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ú và không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn O, bà Võ Thị T, bà Võ Thị L, Võ Thị Trúc Đ, bà Nguyễn Thị M. "Tờ tự thuận cho đất cho con" giữa cụ D với ông D chưa bảo đảm về thủ tục nhưng đã thể hiện ý chí của cụ D muốn định đoạt tài sản cho con như xác nhận của ông Châu Văn Đức tại biên bản ghi lời khai ngày 03/10/2019, xác nhận "ông D có đem tờ cho đất cho con ký ngày 29/11/2003 đến gặp ông để nhờ xác nhận việc cho đất cho Võ Văn D, ông có xem qua và xác nhận và có trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã ký xác nhận". Hơn nữa, việc cụ D tặng cho tài sản cho con là ông D cũng không vượt quá 50% trong khối tài sản chung giữa ông với bà Ú, nên ông D khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông ngang 4,5m, dài 45m nằm trong tổng diện tích 1.686.8m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01369/QSDĐ ngày 12/8/2002 do cụ D đứng tên là có cơ sở. Từ đó, cấp sơ thẩm tuyên xử công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 29/11/2003, giữa ông Võ Văn D với ông Võ Văn D và ông D được quyền sử dụng đất tại các điểm 13,28,22,21,14, diện tích 179,2m^2 theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 26/9/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các ông, bà Trần Thị Ú, ông Võ Văn O, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Trúc Đ, bà Nguyễn Thị M kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại tòa ông D, ông K, ông O, bà Đ, bà T, bà M có mặt; các đương sự khác không có mặt, nhưng có ủy quyền hợp pháp; Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các ông, bà Trần Thị Ú, ông Võ Văn O, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Trúc Đ, bà Nguyễn Thị M, thấy: Nguồn gốc phần đất tranh chấp được các đương sự xác nhận là của cha, mẹ các ông bà là ông D, bà Ú tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và khẳng định đây là tài sản chung của cha, mẹ các ông, bà và ông D đã được Ủy ban nhân dân huyện An Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01369/nL vào ngày 12/8/2002 đất tọa lạc thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, có diện tích là 1686,80m^2 do ông Võ Văn D đứng tên.

[2.1] Vào ngày 29/11/2003 ông D tự nguyện lập Tờ tự thuận về việc cho đất ông Võ Văn D chiều ngang 4,5m, dài 45m (tổng diện tích là 202,5m^2) nhưng theo kết quả đo đạt ngày 26/9/2019 thì diện tích thực tế là 179,2m^2, tại các điểm 13, 28, 22, 21, 14 trong diện tích 1686,80m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01369/nL do UBND huyện An Phú cấp ngày 12/8/2002 đất tọa lạc thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, do ông Võ Văn D đứng tên. Tờ tự thuận có sự xác nhận của cán bộ địa chính xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình vào ngày 04/12/2003.

[2.2] Tờ tự thuận cho đất giữa ông D và ông D lập ngày 29/11/2003 là chưa đủ điều kiện về hợp đồng tặng cho do thời điểm này bà Ú vợ ông D còn sống chung nhưng không có ký tên. Tuy nhiên, tại thời điểm ông D còn sống thì bà Ú cũng không có tranh chấp; nay ông D đã chết thì sau này lại phát sinh tranh chấp; cấp sơ thẩm nhận định việc ông D tự tặng cho tài sản chung vợ chồng là chưa đủ điều kiện, nhưng nó lại thể hiện ý chí tự nguyện và cũng là nguyện vọng của ông D lúc còn sống; đồng thời ông D cũng có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung đối với ½ số tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; tài sản chung của ông D, bà Ú là 1686,80m^2, việc này các con ông Dình cũng thừa nhận tài sản tranh chấp này là của cha, mẹ tạo lập các con không có đóng góp, nên việc ông D tặng cho tài sản ông D không vượt 50% số tài sản chung nói trên; vì vậy, việc ông D định đoạt tài sản chung không vượt quá ½ là phù hợp pháp luật.

[2.3] Do vậy, cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/11/2003 của ông Võ Văn D và ông Võ Văn D; ông D được quyền sử dụng đất diện tích thực tế là 179,2m^2, tại các điểm 13, 28, 22, 21, 14, theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 26/9/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh An Phú; nằm trong diện tích 1686,80m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01369/nL do UBND huyện An Phú cấp ngày 12/8/2002 đất tọa lạc thị trấn Long

Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, do ông Võ Văn D đứng tên là có cơ sở. (kèm theo bản vẽ hiện trạng khu đất).

[2.4] Tại biên bản định giá ngày 4/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện An Phú, bà Trần Thị Ú là bị đơn xác nhận trên đất tranh chấp có 21 cây xoài 06 năm tuổi và bà cũng thống nhất với giá của Hội đồng định giá là 970.000 đồng/1 cây xoài; tại biên bản định giá ngày 24/02/2023 (lúc này bà Ú đã chết) ông O cho rằng 15 cây xoài này (lúc này còn 15 cây) đã được 20 năm tuổi (tức sau khoảng 03 năm định giá lại xoài đã 20 năm tuổi) mà bà Võ Thị Trúc Đ trồng chớ không phải bà Ú trồng.

[2.5] Xét lời khai ông O không thống nhất và mâu thuẫn với lời khai bà Ú là mẹ ông O; bà Ú cho rằng trồng 6 năm, ông O cho rằng trồng 20 năm; tại cấp sơ thẩm bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu xem xét; tuy nhiên cấp sơ thẩm cũng cần xem xét để giải quyết triệt để nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên, nên cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.6] Tại căn cứ Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 4/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, quy định về mức bồi thường cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địc bàn tỉnh An Giang thì loại xoài từ 8 năm tuổi trở lên (loại A) có đơn giá là 2.400.000 đồng/1 cây; vậy số tiền ông D phải hoàn lại cho các thừa kế của bà Trần Thị Ú đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Võ Văn O, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Trúc Đ và các con ông Võ Văn G gồm: Ông Võ Thành S, ông Võ Đức T, bà Võ Thị Kim O, bà Võ Thị Thanh T số tiền: 36.000.000 đồng (15 cây x 2.400.000 đồng). Việc ông O cho rằng các cây xoài do bà Đ trồng, nhưng bà Đ cũng không có yêu cầu và không có kháng cáo, hơn nữa ở cấp sơ thẩm bà Đ cũng không có ý kiến; vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, nếu sau này các thừa kế của bà Ú, ông D có tranh chấp số tiền trên thì giải quyết trong vụ án khác.

[2.6] Các thừa kế của bà Ú, ông D nói trên có nghĩa vụ chặt (hoặc di dời) 15 cây xoài trên diện tích đất tranh chấp nói trên và giao cho các thừa kế trên được sỡ hữu.

[3] Tại cấp phúc thẩm đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn O cho rằng Tờ tự thuận cho đất giữa ông D và ông D lập ngày 29/11/2003 không phải là chữ ký của ông D và có Đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, yêu cầu giám định chữ ký của ông D. Cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu về việc xin giám định.

[3.1] Tại kết luận giám định số: 43/KL-KTHS(TL-GT) ngày 5/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận: Chữ ký mang tên "Võ văn D" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A) so với chữ ký mang tên "Võ Văn D" trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M4) ***không phải do cùng một người ký ra.***

[3.2] Sau khi có kết quả giám định nói trên nguyên đơn không đồng ý với kết quả giám định; ngày 18/7/2022 đại diện nguyên đơn có Đơn yêu cầu giám định

lại chữ ký của ông Võ Văn D trong Tờ tự thuận về việc cho đất lập ngày 29/11/2003; cấp phúc thẩm chấp nhận đơn yêu cầu giám định lần hai tại Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an.

[3.3] Tại kết luận giám định số: 4881/KL-KTHS ngày 18/11/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 1. Chữ ký đứng tên Võ Văn D dưới mục " Người tự thuận cho đất (cha đẻ)" trên tài liệu ký hiệu A so với chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên Võ Văn D trên các tài liệu ký hiệu M2, M3, M4 ***là do cùng một người ký ra***. 2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Võ Văn D dưới mục " Người tự thuận cho đất (cha đẻ)" trên tài liệu ký hiệu A so với chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên Võ Văn D trên tài liệu ký hiệu M1 là có phải do cùng một người ký ra hay không.

[3.4] Sau khi có kết luận của Phân Viện Khoa học hình sự tại Phân Viện Thành phố Hồ Chí Minh, thì ông O không đồng ý và yêu cầu được giám định lại tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an ở Hà nội để có kết luận khách quan; vì ông cho rằng Kết luận giám định số 43/ KL-KTHS ngày 5/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang và Kết luận giám định số: 4881/KL-KTHS ngày 18/11/2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết quả hoàn toàn trái ngược nhau trong khi cùng một tài liệu mẫu cần giám định.

[3.5] Tại kết luận giám định số: 114/KL-KTHS ngày 3/8/2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công An kết luận: Chữ ký "D" dưới mục "Người tự thuận cho đất (Cha đẻ)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Võ Văn D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 ***do cùng một người ký ra.***

[3.6] Từ những căn cứ kết luận giám định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy việc cấp cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/11/2003 của ông Võ Văn D và ông Võ Văn D diện tích đất thực tế là 179,2m^2, tại các điểm 13, 28, 22, 21, 14, theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 26/9/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú là hoàn toàn có căn cứ. Ông D có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[4] Việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở cấp sơ thẩm cho rằng tài sản cha mẹ các ông, bà tạo lập ra với mục đích để làm phủ thờ cúng ông bà là không có cơ sở; bởi các ông, bà không có chứng cứ gì chứng minh cho việc diện tích đất tranh chấp để làm phủ thờ, thờ cúng ông bà. Ngoài ra tại các biên bản hòa giải ngày 15/10/2019 và ngày 6/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú và *Bản trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* còn cho rằng tài sản của ông D, bà Ú đã có di chúc lập ngày 17/6/2005 đã tặng cho hết bà Đ và ông O. Do ở cấp sơ thẩm các đương sự không có yêu cầu về xem xét di chúc nên Hội đồng cấp phúc thẩm không xem xét; hơn nữa qua di chúc lập ngày 17/6/2005 do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp (BL 52) thì bà Đ được cho căn nhà gắn liền với đất diện tích ngang 4,2m dài 29m; còn đối với ông O thì cũng không có thể hiện rõ diện tích đất được cho là bao nhiêu mét vuông và ở vị trí nào; nếu sao

này các đương sự có yêu cầu chia di sản thừa kế sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[5] Đối với luật sư bảo vệ bị đơn cho rằng bà Ú chết không đưa ông D là nguyên đơn vào người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là thiếu xót. Xét, ông D là nguyên đơn yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho giữa ông với cha ruột là ông D, trong khi bà Ú là bị đơn không đồng ý, nên việc đưa ông D với tư cách nói trên là đối lập lại với ông nên không nhất thiết.

[6] Ông Võ Văn O, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Trúc Đ, bà Nguyễn Thị M kháng cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các ông, bà không có cung cấp được chứng cứ gì mới, chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các thừa kế của ông O, bà T, bà L, bà Đ, bà M và không chấp nhận lời đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[7] Về chi phí giám định: Lần 01: 3.000.000 đồng, do ông O yêu cầu ông đã tạm ứng trước, nhưng yêu cầu của ông O không được chấp nhận nên ông phải chịu (ông đã nộp xong). Lần 02: 4.000.000 đồng, do ông D yêu cầu ông đã nộp tạm ứng trước và ông tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét (ông đã nộp xong).

[8] Xem lại chi phí tố tụng lần 1: Đối với chi phí đo đạc 1.804.000 đồng và biên nhận tạm ứng ngày 20/8/2019 số tiền 800.000 dồng; biên bản tạm ứng chi phí định giá ngày 13/11/2019 là 800.000 đồng ông, cùng với chi phí thẩm định lần hai; 3.962.000 đồng ông D tự nguyện chịu nên không xem xét (đã nộp xong).

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Ú được miễn. Ông Võ Văn D phải chịu án phí đối với các cây xoài phải trả giá trị cho các thừa kế bà Ú, ông D là: 1.800.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0011306 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú, ông Dũng được nhận lại 1.200.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các ông, bà Võ Thị Trúc Đ, Nguyễn Thị M, Võ Thị T , Võ Thị Kim L, Võ Văn O không phải chịu án phí, mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006924, 0006925, 0006926, 0006927 và 0006928 cùng ngày 3/2/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 12, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn O, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Trúc Đ, bà Nguyễn Thị M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang:

Căn cứ vào Điều 95 và khoản 2 Điều 101; Điều 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ các Điều 120, 121, 457, 459 và Điều 462 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 244 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/11/2003, của ông Võ Văn D và ông Võ Văn D, ông D được quyền sử dụng diện tích đất tại các điểm tại các điểm 13,28,22,21,14 có diện tích 179,2 m^2 theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 26/9/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú; ông D có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký đất theo quy định của pháp luật. (kèm theo bảng đo hiện trạng khu đất ngày tháng năm 2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai- Chi nhánh huyện An Phú.

- Ông Võ Văn D có nghĩa vụ hoàn cho các thừa kế của bà Trần Thị Ú , ông Võ Văn D, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Võ Văn O, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Trúc Đ và các con ông Võ Văn G gồm: Ông Võ Thành S, ông Võ Đức T, bà Võ Thị Kim O, bà Võ Thị Thanh T số tiền: 36.000.000 đồng.

Các thừa kế của bà Ú, ông D nói trên có nghĩa vụ chặt (hoặc di dời) 15 cây xoài trên diện tích đất tranh chấp nói trên.

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của ông Võ Văn D.

Về chi phí tố tụng:

Đối với chi phí thẩm định, đo đạc 1.804.000 đồng theo hóa đơn ngày 26/9/2019 và biên nhận tạm ứng ngày 20/8/2019 số tiền 800.000 đồng; biên bản tạm ứng chi phí định giá ngày 13/11/2019 số tiền 800.000 đồng và chi phí thẩm định lần hai 3.962.000 đồng, ông D tự nguyện chịu (đã nộp xong).

Về chi phí giám định: Lần 01: 3.000.000 đồng, do ông O yêu cầu ông đã tạm ứng trước, nhưng yêu cầu của ông O không được chấp nhận nên ông phải chịu (ông đã nộp xong). Lần 02: 4.000.000 đồng, do ông D yêu cầu ông đã nộp tạm ứng trước và ông tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét (ông đã nộp xong).

Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Ú được miễn. Ông Võ Văn D phải chịu : 1.800.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng

theo biên lai thu số 0011306 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú, ông D còn được nhận lại 1.200.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các ông, bà Võ Thị Trúc Đ, Nguyễn Thị M, Võ Thị T , Võ Thị Kim L, Võ Văn O mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006924, 0006925, 0006926, 0006927 và 0006928 vào ngày 3/2/2021 của Chị cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

- Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND. huyện A;
- Chi cục THA-DS huyện A;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Hải